

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2025

Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số A, đường H, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1968; Cùng nơi cư trú: Số D, đường C, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H làm nghề buôn bán thịt heo, trong khoảng thời gian từ năm 2014 cho đến năm 2021 bà H có bỏ mỗi thịt cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc H1. Trong quá trình mua bán ông C, bà H1 còn nợ lại bà H tiền thịt heo với tổng số tiền là 788.506.000 đồng.

Trong đó, từ ngày 10/5/2014 đến năm 2018 ông C, bà H1 nợ số tiền là 629.784.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 10/5/2014 đến năm 2015 nợ số tiền 29.784.000 đồng; từ năm 2016 đến tháng 12/2017 nợ số tiền 400.000.000 đồng; tháng 12/2018 nợ số tiền 200.000.000 đồng.

Từ năm 2019 đến tháng 4/2020 ông C, bà H1 nợ số tiền là 151.762.000 đồng, bao gồm số tiền nợ các lần 43.000.000 đồng, lần 38.080.000 đồng, ngày 10/4/2020 nợ 11.213.000 đồng, lần 13.440.000 đồng, lần 8.230.000 đồng, lần 2.199.000 đồng, lần 19.200.000 đồng, lần 4.400.000 đồng, lần 4.000.000 đồng và lần 8.000.000 đồng.

Năm 2021 ông C, bà H1 nợ số tiền là 6.960.000 đồng.

Tuy nhiên, từ đó đến nay ông C, bà H1 không hoàn trả mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà H1 liên đới phải hoàn trả số tiền 788.506.000 đồng. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Trong thời gian buôn bán quán ăn (quán C3) ông C, bà H1 có mua bán thịt heo từ bà H. Khi mua bán thịt heo các bên không lập giấy tờ gì, sau này thì bà H1 có viết giấy tay, ghi lại những lần mua thịt thiếu lại tiền, tại bản khai ngày 06/8/2025 ông C, bà H1 xác định số tiền thiếu bà H là 458.013.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông C, bà H1 trình bày đối với các tài liệu, chứng cứ bà H đưa ra thì: Chứng cứ tại giấy viết tay bút lục số 33: Đối với mục ký hiệu a phía trên ghi ngày tháng năm không phải do ông C, bà H1 ghi; về nội dung và chữ viết, chữ ký phía dưới là của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ghi, nội dung số tiền thiếu 29.784.000 đồng là đúng; Đối với mục ký hiệu b, phía trên ghi tháng năm không phải do ông C, bà H1 ghi; về nội dung và chữ viết, chữ ký phía dưới là của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ghi. Tuy nhiên, nội dung chữ viết có một phần đã bị chỉnh sửa, cụ thể nội dung đúng là “Vợ chồng em Hiếu C1 có thiếu tiền thịt là 400.000.000 đồng với số tiền lãi là 200.000.000 đồng”. Tuy nhiên, đã bị chỉnh sửa chữ “Lãi”; phần chữ ký

“C1” không phải của ông C1. Thực tế, số tiền thiếu là 400.000.000 đồng, trong đó có 200.000.000 đồng tiền lãi và 200.000.000 đồng tiền nợ; số tiền 400.000.000 đồng này đã bao gồm số tiền 29.784.000 đồng ghi tại mục a của giấy viết tay; Đối với mục ký hiệu c, không phải lãi chữ ký, chữ viết của ông C1, bà H1.

Đối với chứng cứ giấy viết tay bút lục số 34: Về nội dung và chữ viết từ đầu cho đến số 11.213.000 là của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ghi. Tuy nhiên, nội dung chữ viết có một phần đã bị chỉnh sửa, cụ thể năm 2018, được sửa thành năm 2019. Về nội dung số tiền thiếu gồm 03 khoản là 43.000.000 đồng, 38.080.000 đồng và ngày 10/4/2020 nợ thêm số tiền 11.213.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này đã được chốt lại thành số tiền 400.000.000 đồng nói trên.

Đối với chứng cứ tại sổ tay bút lục số 35: Đây không phải là chữ viết của ông C1, bà H1 mà là của bà H. Tuy nhiên ông C1, bà H1 có mua thịt các lần với số tiền như bà H đã ghi. Tuy nhiên, ông C1, bà H1 đã thanh toán hết.

Do đó hiện nay ông C1, bà H1 chỉ còn thiếu lại bà H số tiền nợ 400.000.000 đồng. Ông C1, bà H1 đồng ý hoàn trả số tiền này cho bà H tuy nhiên hiện nay khó khăn nên xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 hiện cư trú tại thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải thanh toán khoản tiền mua bán thịt heo còn nợ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng và Hội đồng xác định lại quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 và các Điều 280, Điều 440 Bộ luật dân sự.

[2] Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng không tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông C2, bà H1 phải thanh toán số tiền 788.506.000 đồng (*B trăm tám mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu ngàn đồng*) mà ông C2, bà H1 đã thiếu nợ tiền mua bán thịt heo. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 02 (hai) giấy viết tay và 01 (một) sổ tay, đều bản gốc.

Theo bà H số tiền 29.784.000 đồng tại mục a, giấy viết tay bút lục số 33; các số tiền 43.000.000 đồng, 38.080.000 đồng và 11.213.000 đồng giấy viết tay bút lục số 34 là các khoản tiền độc lập, không liên quan đến khoản tiền 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng ghi tại mục b, giấy viết tay bút lục số 33. Khoản tiền 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng ghi tại mục b, giấy viết tay bút lục số 33 đều là tiền nợ độc lập, không phải là tiền lãi, nên số tiền nợ ở đây là 600.000.000 đồng, chứ không phải 400.000.000 đồng như bà H1, ông Công trình B1.

Mặc dù ông C2, bà H1 cho rằng số tiền 400.000.000 đồng tại giấy viết tay bút lục 33, mục b là chốt lại các số tiền nợ và lãi gồm khoản tiền 29.784.000 đồng tại mục a, giấy viết tay bút lục số 33 và 43.000.000 đồng, 38.080.000 đồng và 11.213.000 đồng tại giấy viết tay, bút lục số 34 và 200.000.000 đồng tiền nợ lãi. Tuy nhiên, số tiền 400.000.000 đồng mà ông C2, bà H1 khai được viết phía dưới và cùng một mặt của trang giấy với số tiền 29.784.000 đồng nhưng lại không gạch bỏ phần viết này; nội dung tại giấy viết tay đối với các số tiền 43.000.000 đồng, 38.080.000 đồng và 11.213.000, bút lục số 34 cũng không được gạch bỏ. Đồng thời nội dung tại giấy viết tay, của mục b bút lục 33 cũng không thể hiện là chốt lại các số tiền này. Do đó, lời khai này của ông C2, bà H1 là không có căn cứ.

Ông C2, bà H1 cho rằng số tiền nợ tại giấy viết tay, mục b bút lục 33 chỉ là 400.000.000 đồng, chứ không phải là 600.000.000 đồng. Trong tổng số tiền 400.000.000 đồng tại giấy viết tay, mục b bút lục 33 bao gồm 200.000.000 đồng tiền nợ và 200.000.000 đồng tiền lãi. Thế nhưng, các bên đều thừa nhận việc mua bán thịt heo không tính lãi và việc nợ tiền mua thịt heo cũng không tính lãi; ông C2, bà H1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh các bên có thoả thuận lãi và số tiền lãi này nếu có thì được tính trên số tiền nợ gốc nào.

Đồng thời nội dung tại giấy viết tay, mục b bút lục số 33, bà H1 thừa nhận nội dung là do bà H1 tự ghi, có nội dung “*vợ chồng em Hiếu C1 có thiếu tiền thịt là 400.000.000 đồng Bốn trăm triệu chẵn*” và tiếp đó là ghi “*với số tiền*”, chứ không phải “*Số tiền 400.000.000 đồng này bao gồm 200.000.000 đồng tiền nợ và*

200.000.000 đồng tiền lãi” hay “Trong số tiền 400.000.000 đồng có hoặc bao gồm 200.000.000 đồng tiền lãi”.

Mặc dù, tại chứng cứ giấy viết tay bút lục 33, mục b có phần chỉnh sửa; tuy nhiên không làm thay đổi nội dung vì chữ “Thịt tháng 12/2018” như bà H khai hay chữ “Lãi” như ông C1, bà H1 khai thì trước chữ “Thịt tháng 12/2018” hay chữ “Lãi” là dấu “Chấm” và phía sau dấu “Chấm” là chữ “Với số tiền”. Nên số tiền bà H1, ông C1 thiếu ở đây được xác định gồm 02 khoản là 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng độc lập.

Đối với phần chữ viết và ghi số tại giấy viết tay, mục c, bút lục số 33 và từ hàng chữ với số 13.440.000 trở xuống tại giấy viết tay bút lục số 34 bà H thừa nhận là do bà H tự viết; ông C1, bà H1 không thừa nhận, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác đối với các khoản tiền này; do đó không có căn cứ để chấp nhận các khoản tiền này của bà H.

Từ đó, có cơ sở xác định các khoản tiền ông C1, bà H1 thiếu tại giấy viết tay, mục a bút lục số 33 là 29.784.000 đồng, mục b bút lục số 33 gồm hai khoản là 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng; tại giấy viết tay, bút lục 34 bao gồm 43.000.000 đồng, 38.080.000 đồng và 11.213.000 đồng.

Đối với chứng cứ sổ tay tại bút lục số 35, mặc dù thể hiện số tiền của các lần mua bán là 7.220.000 đồng. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu ông C1, bà H1 phải trả số tiền là 6.960.000 đồng. Tại phiên toà, ông C1, bà H1 thừa nhận các lần mua bán này có thật, số tiền ông C1, bà H1 mua bán thịt heo với bà H là 7.220.000 đồng nhưng đã trả hết; thế nhưng ông C1, bà H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ; đồng thời bà H cũng không thừa nhận đã trả. Do đó, có căn cứ để chấp nhận số tiền này của bà H.

Do đó tổng số tiền được chấp nhận là 729.037.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng*).

[4] Yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ được chấp nhận một phần 729.037.000 đồng/788.506.000 đồng nên cần buộc bà H1, ông C1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà H được chấp nhận và bà H phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

[5] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Các Điều 280, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung;

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 729.037.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.973.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) (*đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 17.770.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*) tại Cục Thi hành án sự tỉnh Lâm Đồng theo chứng từ giao dịch ngày 08/7/2025 của Ngân hàng N-Chi nhánh Đ. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 14.797.000 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) còn lại.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải nộp 33.161.000 đồng (*Ba mươi ba triệu một trăm sáu mươi một ngàn đồng*) (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- C.C. THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường